

Thứ ba, ngày 7 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/1/2020		•	
Tuần 6/1-10/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index vận động giằng co quanh mốc tham chiếu nhờ nhóm cổ phiếu bluechips trụ cột có dấu hiệu hồi phục, trong khi nhóm Dầu khí quay trở lại điều chỉnh sau đà tăng tốt của 2 phiên trước. Đến phiên chiều, sự đồng thuận của BID, VHM, CTG, VIC, VRE đã giúp chỉ số lấy lại được sắc xanh. Tuy nhiên, với việc chưa thể lấy lại ngưỡng hỗ trợ 960 điểm và thanh khoản khớp lệnh sụt giảm, thị trường có khả năng sẽ duy trì trạng thái giằng co tích lũy trong kênh giá 950-960 điểm như hiện tại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/1/2019, chứng quyền có sự phân hóa về giá, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_ Bảo hiểm & Chứng khoán_0.8%. 16/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**, con số này của VNINDEX là 0.3%.

Phân tích kỹ thuật: MPC_Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.09 điểm**, đóng cửa 958.88. HNX-Index **+0.18 điểm**, đóng cửa 101.42.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.08); VNM (+0.57); CTG (+0.39); VHM (+0.38); VCB (+0.32)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.39); PLX (-0.27); HPG (-0.24); PDR (-0.15); HDB (-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,090 tỷ đồng**, **-7.3%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.27 điểm. Thị trường có 169 mã tăng, 57 mã tham chiếu và 161 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **60.28 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (54.31 tỷ), HPG (22.28 tỷ) và PLX (10.05 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **7.64 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

958.88

Giá trị: 2090.27 tỷ

3.09 (0.32%)

Khối ngoại (ròng): -60.28 tỷ

HNX-INDEX

101.42

Giá trị: 205.28 tỷ

0.19 (0.19%)

Khối ngoại (ròng): -7.64 tỷ

UPCOM-INDEX

55.76

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.12 (-0.21%)

Khối ngoại (ròng): -6.94 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	63.1	-0.35%
Giá vàng	1,565	-0.03%
Tỷ giá USD/VND	23,179	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,938	0.12%
Tỷ giá JPY/VND	21,369	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	3.5%	5.12%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-3.04%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	31.9	VCB	54.3
VHM	10.4	HPG	22.3
ROS	10.0	PLX	10.1
HDC	5.5	HDB	9.1
GEG	3.9	VIC	9.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **16/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 0.8%, con số này của VNINDEX là 0.3%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** đều gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **10/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	0.9%	-2.0%	-4.8%	-12.8%	-7.2%	45.3%	21.3%
VN Diamond	0.8%	-0.3%	1.5%	-3.7%	10.0%	22.0%	72.5%	16.9%
Ngân hàng	0.8%	-0.2%	3.3%	-0.3%	12.4%	24.4%	94.5%	22.1%
Hàng tiêu dùng	0.7%	0.1%	-1.9%	-9.9%	-3.8%	5.8%	57.8%	17.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.6%	-0.4%	1.5%	-1.4%	12.0%	35.5%	124.9%	18.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.6%	-0.1%	1.4%	-2.6%	5.3%	15.5%	50.0%	19.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.6%	-0.2%	0.6%	-3.1%	6.2%	21.4%	86.3%	15.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.6%	-0.8%	1.3%	-3.8%	8.7%	21.6%	77.5%	17.2%
VN FinSelect	0.6%	-0.2%	0.9%	-3.0%	3.4%	12.7%	42.3%	18.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	0.2%	-1.0%	2.5%	-4.9%	20.7%	51.1%	14.4%
FTSE Việt Nam	0.4%	-0.3%	-1.1%	-2.0%	-0.1%	11.9%	87.9%	14.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	-0.5%	-1.9%	-3.3%	-2.1%	10.0%	78.6%	13.7%
Chiến tranh thương mại	0.3%	1.1%	-1.9%	-5.8%	-11.2%	7.4%	12.4%	15.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	-0.6%	-1.0%	-6.8%	-1.8%	8.9%	58.8%	14.4%
Lãi suất giảm	0.3%	0.3%	-0.8%	-7.5%	-8.3%	5.4%	52.5%	17.7%
BDS & Khu công nghiệp	0.0%	-2.1%	-1.9%	-4.6%	-2.9%	9.4%	58.4%	16.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	-1.6%	-3.2%	-4.2%	-1.8%	12.7%	5.7%	18.5%
Xây dựng	-0.6%	-1.6%	-4.1%	-16.6%	-16.5%	-10.6%	20.5%	18.0%
Nước & Năng lượng	-0.6%	-1.0%	-3.4%	-6.1%	-9.7%	9.9%	45.6%	14.4%
Dầu khí	-1.5%	1.8%	-1.0%	-3.7%	-10.4%	11.1%	24.7%	22.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 12	1.1%	0.0%	0.7%	-0.2%	3.9%	28.0%	78.4%	18.4%
Danh mục 11	0.9%	1.8%	-0.3%	-9.1%	-3.6%	16.8%	78.9%	18.9%
Danh mục 18	0.6%	-0.5%	1.0%	-0.3%	-1.3%	11.8%	126.9%	17.9%
Danh mục 8	-0.6%	-2.7%	-0.4%	-3.3%	1.4%	17.5%	60.5%	17.2%
Danh mục 14	-0.7%	-2.0%	-2.1%	-4.9%	-0.4%	12.4%	49.9%	17.1%

* Note **10/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.9%	0.8%	0.1%	-3.2%	2.3%	30.2%	92.5%	20.0%
Danh mục 25	0.6%	0.9%	-1.8%	-6.8%	3.7%	30.2%	128.2%	17.7%
Danh mục 21	0.5%	-0.4%	1.3%	-3.7%	5.7%	22.5%	66.0%	15.6%
Danh mục 20	0.0%	-1.9%	0.1%	-2.7%	5.6%	20.4%	62.2%	16.5%
Danh mục 23	-0.2%	-1.0%	-6.4%	-9.9%	-8.2%	18.1%	92.0%	18.9%

* Note **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.3%	-0.6%	-0.5%	-2.9%	-2.0%	9.2%	44.7%	15.4%
VN30INDEX	0.5%	-0.4%	-0.4%	-4.1%	-0.3%	4.5%	41.0%	15.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH

1/7/2020

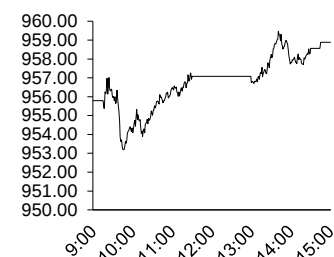
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

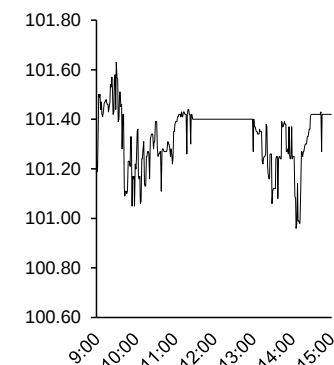
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	1.7%
Ô tô và phụ tùng	1.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%
Ngân hàng	0.8%
Bán lẻ	0.6%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Thực phẩm và đồ uống	0.6%
Bất động sản	0.3%
Bảo hiểm	0.3%
Truyền thông	0.2%
Hóa chất	0.1%
Viễn thông	0.0%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Du lịch và Giải trí	-0.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.6%
Tài nguyên Cơ bản	-0.7%
Y tế	-1.0%
Dầu khí	-1.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

MPC_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: MPC đang trong quá trình hồi phục trở lại từ nền giá 18.5 sau khi đã ở trong xu hướng giảm từ tháng 4 năm ngoái. Trong ngày hôm nay, thanh khoản cổ phiếu tăng cao đã đẩy giá MPC vượt khỏi ngưỡng kháng cự 23. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đang ở trong trạng thái tích cực. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn. Ngưỡng kháng cự tiếp theo của cổ phiếu nằm tại vùng giá xung quanh 27.5. Theo đánh giá của chúng tôi, nếu đã hưng phấn hiện nay tiếp tục được duy trì, MPC có thể tiếp cận trở lại khu vực trên 30 trong năm nay.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Năm 2019, MPC đặt kế hoạch sản lượng xuất khẩu là 77,400 tấn (-1.3% YoY), kim ngạch xuất khẩu đạt 850 triệu USD (+13.3% YoY) và LNTT đạt 1,430 tỷ (+58.5% YoY) trong đó: Minh Phú Cà Mau: 750 tỷ, Minh Phú Hậu Giang: 500 tỷ và Lĩnh vực nuôi tôm: 180 tỷ.

Thay đổi phương án sử dụng tiền từ đợt phát hành: (1) Thu 3,038 tỷ (2) Chi: (1) Mua 30.8% cổ phần của MPHG: 872 tỷ (2) Trả nợ vay ngắn hạn: 1,755 tỷ (3) Trả tiền mua tôm: 315 tỷ.

Cập nhật KQKD

Về việc bán hàng sang M Seafood M Seafood là công ty con của MPC ở Mỹ, DT và LN sẽ bị hoãn lại khi M Seafood chưa nhận hàng hoặc chưa giao đến khách hàng. MPC bán sang M Seafood qua 2 hình thức (1) DDP: Nhận hàng và thu tiền ngay => thời gian ngắn và (2) Bán ký gửi: Ký gửi cho 1 bên thứ 3 ở Mỹ => bàn giao cho KH mới được ghi nhận DT. Vì thế, các đơn hàng xuất sang Mỹ T11, T12 thì đến nơi khoảng T1, T2 (tùy địa điểm đến là bờ Đông hay bờ Tây). Do đó, công ty sẽ ghi nhận DT và LN liên quan đến đơn hàng này trong Q1 hoặc Q2. Kế hoạch triển khai công nghệ 2 – 3 – 4 Tổng diện tích vùng nuôi hiện tại của MPC là 900 ha: Lộc An (Vùng Tàu) 300 ha; Kiên Giang: 600ha.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express MPC 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Hồi phục

[Link](#)

FPT_Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_Hồi phục

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

NVL_Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 7/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 7/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	62.76	-0.25%	2.23%	6.18%	29.38%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.57	-0.13%	2.92%	6.63%	19.58%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.76	-0.27%	1.51%	6.55%	31.34%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1564.76	0.95%	3.26%	7.09%	21.42%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.13	0.59%	1.15%	9.10%	15.86%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	942.33	0.25%	-0.68%	4.85%	3.30%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	549.96	-0.68%	-0.93%	3.61%	6.43%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.97	0.24%	-12.16%	-13.02%	20.01%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	174.40	-1.02%	-1.64%	-1.25%	-1.97%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.73	3.16%	1.48%	2.62%	8.54%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.50	0.00%	0.00%	-20.13%	-21.88%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	122.15	-3.32%	-7.57%	-4.05%	18.88%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.79	0.43%	-0.93%	1.98%	5.70%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3750.00	0.00%	-0.19%	4.08%	-2.75%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1824.00	1.08%	-0.05%	3.75%	-2.90%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.50	1.08%	2.75%	6.25%	25.50%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.50	0.04%	0.36%	-0.69%	-29.51%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 31 US cent lên 68.91 USD/thùng. Giá dầu WTI kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 22 US cent lên 63.27 USD/thùng.
- Giá dầu Brent vượt ngưỡng 70 USD/thùng do những lời nói từ Mỹ, Iran và Iraq đã gây căng thẳng tại Trung Đông sau khi vụ không kích của Mỹ đã hạ sát chỉ huy quân đội hàng đầu của Iran.
- Trong ngày 5/1, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã đe dọa áp đặt lệnh trừng phạt với Iraq, nhà sản xuất lớn thứ 2 của OPEC nếu lực lượng của Mỹ phải rút khỏi quốc gia này. Baghdad trước đó đã kêu gọi lực lượng của Mỹ và nước ngoài rời khỏi Iraq. Cơ quan Tình báo Kinh tế đã nâng dự đoán giá dầu Brent trong quý 1/2020 thêm 5 USD lên 70 USD/thùng, cho rằng Iran có thể tìm cách để tránh xung đột.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1.1% lên 1,568.19 USD/ounce, trong đầu phiên giá đã đạt 1,579.72 USD/thùng, cao nhất kể từ tháng 4/2013. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York tăng 1.2% lên 1,568.80 USD/ounce.
- Giá vàng gần mức cao nhất trong 7 năm do căng thẳng leo thang giữa Mỹ và Iran thu hút nhu cầu tài sản an toàn. Giá vàng đã tăng khoảng 3% kể từ khi Mỹ hạ sát tướng Iran trong ngày 3/1, làm gia tăng lo ngại về xung đột rộng lớn hơn tại Trung Đông, khiến các nhà đầu tư chạy trốn khỏi các tài sản rủi ro.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên đóng cửa tăng 0.8% lên 668 CNY/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tiếp tục tăng phiên thứ 4 liên tiếp do công suất hoạt động hàng tuần tăng lên cho thấy nhu cầu mạnh đối với thành phần sản xuất thép này.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 0.2% lên 3,559 CNY/tấn. Công suất hoạt động tại 247 nhà máy thép ở Trung Quốc tăng lên 78.4% trong tuần trước từ 76.89% trong tuần liền trước đó.

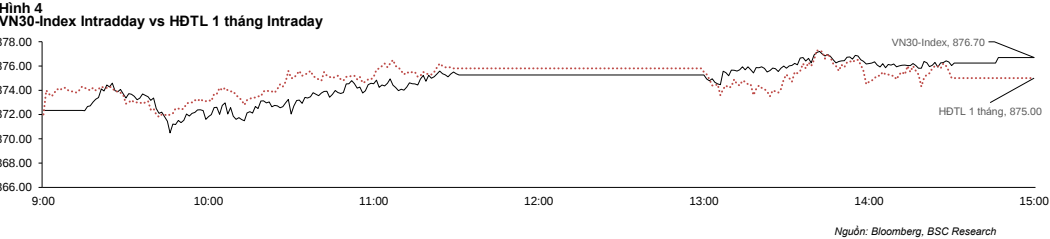
Giá cao su

- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 6/2020 đóng cửa tăng 2.3 JPY lên 202.4 JPY (1.87 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 245 CNY đóng cửa tại 13,095 CNY (1,878 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tích cực trong ngày hôm nay, đạt mức cao nhất trong 3 tuần, do các nhà đầu tư dự kiến giá cao su tổng hợp sẽ tăng do giá dầu cao trong bối cảnh căng thẳng thương mại leo thang ở Trung Đông.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 4.2 US cent hay 3.3% xuống 1.2215 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 20 USD hay 1.5% xuống 1,352 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 42 US cent hay 3.2% lên 13.73 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn London tăng 7.50 USD, tương đương 2.1%, lên mức 364.70 USD/tấn.
- Giá năng lượng tăng thúc đẩy sử dụng mía để sản xuất ethanol sinh học hơn là sản xuất đường.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2001	875.00	0.34%	-1.70	0.3%	83997	1/16/2020	11
VN30F2002	875.50	0.17%	-1.20	-10.5%	162	2/20/2020	46
VN30F2003	885.20	0.71%	8.50	-53.7%	62	3/19/2020	74
VN30F2006	884.50	0.06%	7.80	-63.3%	33	6/18/2020	165

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 4.36 điểm lên mức 876.70 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, FPT, VNM, TCB, và MWG tác động mạnh đến vận động hồi phục của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm nhẹ trước khi phục hồi tích cực lên trên 875 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng nhẹ trước khi tích lũy quanh 876 điểm. Thanh khoản giữ tại mức thấp, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy kéo dài quanh vùng 865-880 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT1907	VND	1/9/2020	2	2:1	111,000	-14.6%	2.0 triệu	21.06%	4,200	2,350	14.63%	2,010.40	1.17
CVHM1902	SSI	4/22/2020	106	1:1	4,130	-90.9%	1.0 triệu	21.77%	18,600	9,660	9.65%	3,726.20	2.59
CVPB1901	VND	3/5/2020	58	1:1	71,270	-44.6%	2.0 triệu	20.47%	3,500	3,480	6.10%	2,382.00	1.46
CFPT1905	SSI	4/22/2020	106	1:1	63,000	22.3%	1.0 triệu	21.06%	9,900	7,250	5.69%	4,133.80	1.75
CREE1904	VND	1/9/2020	2	2:1	168,640	32.3%	3.0 triệu	22.48%	3,400	1,300	4.00%	1,231.70	1.06
CVNM1905	MBS	4/28/2020	112	10:1	49,460	114.5%	1.5 triệu	18.01%	2,500	1,120	3.70%	200.10	5.60
CVNM1906	VND	3/5/2020	58	2:1	36,020	-14.3%	1.0 triệu	18.01%	8,100	5,280	2.92%	2,628.10	2.01
CVNM1903	SSI	4/22/2020	106	1:1	5,600	-51.0%	1.0 triệu	18.01%	26,600	14,350	2.28%	4,159.00	3.45
CMBB1906	VND	1/9/2020	2	2:1	430,400	135.9%	3.0 triệu	17.78%	2,100	510	2.00%	553.90	0.92
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	15	5:1	68,350	31.0%	1.5 triệu	21.69%	2,220	1,730	1.17%	1,401.90	1.23
CMBB1903	SSI	4/22/2020	106	1:1	70,630	-58.8%	3.0 triệu	17.78%	4,000	1,800	0.00%	555.50	3.24
CVJC1902	SSI	4/22/2020	106	1:1	4,020	6.3%	1.0 triệu	13.89%	27,900	26,500	0.00%	17,973.00	1.47
CMBB1905	HSC	4/8/2020	92	2:1	120,630	6.6%	5.0 triệu	17.78%	1,700	750	0.00%	112.00	6.70
CFPT1908	MBS	6/17/2020	162	3:1	24,100	-40.5%	2.4 triệu	21.06%	3,150	3,100	0.00%	1,855.20	1.67
CTCB1902	VND	6/5/2020	150	1:1	58,100	-36.2%	2.0 triệu	21.66%	5,300	4,000	-0.25%	2,816.80	1.42
CVRE1902	HSC	4/8/2020	92	4:1	42,080	-73.5%	2.0 triệu	21.69%	1,300	1,170	-2.50%	586.50	1.99
CMSN1902	KIS	5/15/2020	129	5:1	181,390	5.3%	2.0 triệu	26.53%	1,640	860	-3.37%	22.40	38.39
CVIC1903	KIS	5/15/2020	129	10:1	78,500	71263.6%	4.0 triệu	14.74%	1,430	1,160	-4.13%	174.80	6.64
CHPG1907	SSI	4/22/2020	106	1:1	34,900	691.4%	1.0 triệu	25.16%	4,200	4,460	-6.89%	3,548.30	1.26
CHPG1908	MBS	1/22/2020	15	2:1	90,620	-20.2%	2.0 triệu	25.16%	1,450	1,600	-12.09%	1,796.50	0.89
CHPG1909	KIS	5/15/2020	129	2:1	127,820	-27.6%	5.0 triệu	25.16%	1,800	1,220	-13.48%	668.70	1.82
CTCB1901	MBS	1/17/2020	10	2:1	19,320	-57.2%	2.0 triệu	21.66%	1,680	250	-16.67%	89.70	2.79
Tổng:					1,622,220		39.40 triệu	20.03%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 7/1/2019, chứng quyền có sự phân hóa về giá, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CTCB1901 và CHPG1909 giảm mạnh lần lượt là -16.67% và -13.48%. CFPT1907 và CVHM1902 tăng mạnh nhất lần lượt là 14.63% và 9.65%. Thanh khoản thị trường tăng 12.77% CSTB1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.03% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, REE và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	20.35	2.01	0.93
FPT	58.10	1.93	0.82
VNM	118.50	0.94	0.76
TCB	23.20	0.65	0.47
MWG	115.60	0.78	0.36

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	23.7	-1.25	-0.68
HDB	26.7	-1.11	-0.28
GMD	21.8	-2.25	-0.17
GAS	97.1	-0.72	-0.09
EIB	17.5	-0.29	-0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1907	61,400	53,000	58,100
CVHM1902	103,600	85,000	83,800
CVPB1901	21,500	18,000	20,350
CFPT1905	64,900	55,000	58,100
CREE1904	40,800	34,000	36,650
CVNM1905	150,725	125,725	118,500
CVNM1906	130,225	114,025	118,500
CVNM1903	145,580	118,980	118,500
CMBB1906	24,200	20,000	21,000
CPNJ1902	90,100	79,000	86,900
CMBB1903	26,000	22,000	21,000
CVJC1902	157,900	130,000	145,900
CMBB1905	26,400	23,000	21,000
CFPT1908	64,500	54,000	58,100
CTCB1902	26,300	21,000	23,200
CVRE1902	37,700	32,500	33,950
CMSN1902	86,089	77,889	56,800
CVIC1903	137,300	123,000	114,700
CHPG1907	25,200	21,000	23,700
CHPG1908	23,400	20,500	23,700
CHPG1909	28,280	24,680	23,700
CTCB1901	26,860	23,500	23,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	115.6	0.8%	0.8	2,225	3.2	8,321	13.9	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	86.9	1.3%	1.0	851	2.2	4,839	18.0	4.7	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	67.5	-0.1%	1.3	2,179	0.2	1,889	35.7	3.0	31.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.3	3.9%	0.7	325	0.2	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.7	0.2%	1.0	16,799	0.9	1,589	72.2	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.0	0.9%	1.1	3,354	0.5	1,033	32.9	2.8	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.3	0.9%	0.8	2,373	0.8	3,187	17.7	2.6	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	36.7	0.5%	1.0	494	0.7	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.9	1.5%	1.4	317	0.5	3,215	4.3	0.8	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.3	0.3%	1.4	403	0.5	1,769	10.3	1.0	54.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.6	0.0%	1.0	204	0.0	5,067	5.6	1.3	36.7%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.0	0.7%	1.5	279	0.4	1,287	16.3	1.5	56.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	58.1	1.9%	0.9	1,713	2.1	4,688	12.4	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	42.0	-4.5%	0.4	454	0.0	4,156	10.1	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	97.1	-0.7%	1.7	8,080	0.6	5,886	16.5	4.1	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.5	-1.4%	1.5	2,925	0.7	3,467	16.3	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.8	-1.1%	1.6	391	1.8	2,062	9.1	0.7	21.6%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.3	-2.4%	0.8	1,119	0.5	1,163	7.1	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	89.2	-2.2%	0.5	507	0.1	4,535	19.7	3.7	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.6	-1.2%	0.8	214	0.1	650	19.3	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.2	-1.7%	0.7	142	0.1	625	9.9	0.5	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	87.8	0.3%	1.3	14,158	3.8	5,274	16.6	4.0	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	46.7	2.0%	1.6	8,166	1.1	2,109	22.1	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.7	1.6%	1.6	3,513	3.9	1,641	13.2	1.1	29.5%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.4	2.0%	1.2	2,157	1.1	3,341	6.1	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.0	0.2%	1.2	2,123	2.5	3,261	6.4	1.2	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.5	0.0%	1.1	1,621	1.0	3,585	6.3	1.4	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	44.7	0.0%	0.8	159	0.2	5,073	8.8	1.4	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.4	-0.3%	0.3	134	0.0	4,603	6.8	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.2	1.3%	1.3	654	0.0	732	20.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.7	-1.3%	1.0	2,845	5.1	2,526	9.4	1.4	38.2%	17.4%
HSG	Thép	7.9	-1.1%	1.6	146	0.8	890	8.9	0.6	17.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.5	0.9%	0.7	8,972	2.4	5,527	21.4	7.6	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	224.0	0.1%	0.8	6,246	0.2	7,365	30.4	8.0	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.8	0.4%	1.2	2,887	0.8	4,512	12.6	2.0	39.1%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.5%	0.6	477	0.9	440	42.5	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	74.0	0.1%	0.8	7,004	0.0	2,630	28.1	5.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	145.9	-0.1%	1.1	3,323	2.3	9,850	14.8	5.6	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	33.5	-0.1%	1.7	2,063	0.2	1,747	19.1	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.8	-2.2%	0.8	281	0.3	1,949	11.2	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.4	-1.2%	0.6	201	0.2	2,571	6.4	1.1	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.8	2.0%	1.0	465	0.6	8,338	8.0	3.4	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	0.0%	0.7	351	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	0.0%	0.8	242	0.1	1,912	7.6	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	51.5	-2.1%	0.8	171	0.2	9,842	5.2	0.5	47.6%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.8	-0.4%	1.1	495	0.1	1,557	16.6	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.3	1.3%	0.4	251	0.3	1,845	12.6	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.3	-0.9%	0.6	1,145	0.9	820	13.7	1.1	13.7%	7.8%
NT2	Điện	21.4	0.0%	0.6	268	0.2	2,721	7.9	1.5	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	46.70	1.97	1.06	526890.00
VNM	118.50	0.94	0.56	459520.00
VHM	83.80	0.48	0.39	590360.00
CTG	21.70	1.64	0.38	4.16MLN
VCB	87.80	0.34	0.33	1.01MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHN	9.30	9.41	0.10	46100.00
PVI	32.30	3.86	0.04	166500.00
VCS	66.80	1.98	0.04	221900.00
DGC	24.30	2.10	0.04	36500.00
TNG	16.10	5.23	0.04	1.31MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	97.10	-0.72	-0.39	142800.00
PLX	56.50	-1.40	-0.30	290780.00
HPG	23.70	-1.25	-0.24	4.87MLN
PDR	23.90	-6.82	-0.17	2.23MLN
HDB	26.70	-1.11	-0.09	865630.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	18.80	-1.05	-0.05	2.17MLN
NVB	9.10	-1.09	-0.04	1.62MLN
MBG	17.50	-9.79	-0.04	118300.00
AMV	23.40	-2.90	-0.02	215400.00
PVX	1.10	-8.33	-0.02	153900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVG	8.56	7.00	0.04	70300.00
LBM	29.05	7.00	0.01	10.00
AGF	3.69	6.96	0.00	1640.00
RIC	5.24	6.94	0.00	600.00
TCM	20.95	6.89	0.02	936940.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.01	177300.00
FID	1.00	11.1	0.00	200.00
VIG	1.00	11.1	0.00	189600.00
TJC	7.80	9.9	0.00	400.00
VTC	6.70	9.8	0.00	5100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LMH	6.40	-6.98	0.00	370.00
VTB	15.35	-6.97	0.00	740.00
HTL	17.40	-6.95	-0.01	170.00
BCG	6.45	-6.93	-0.02	790360.00
CIG	2.15	-6.93	0.00	610.00

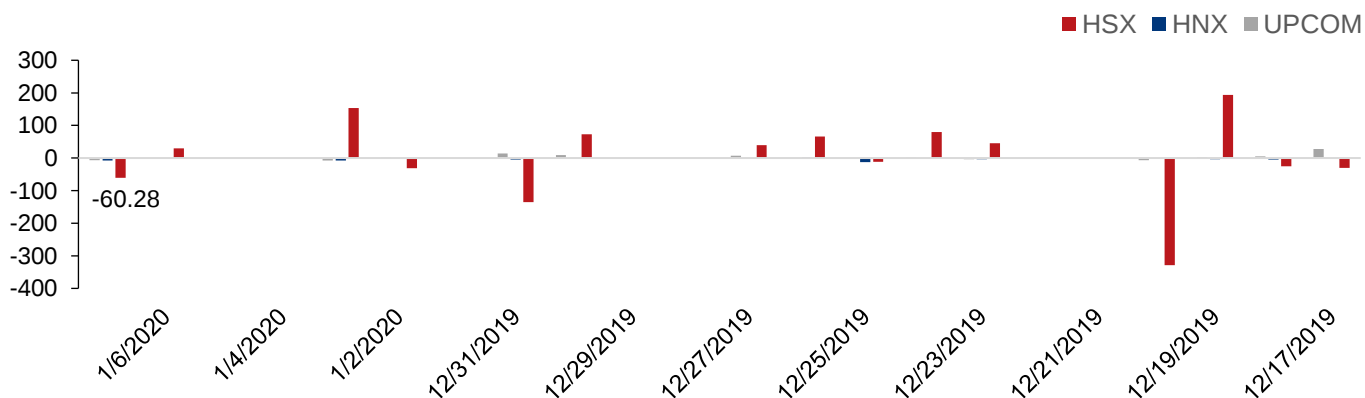
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ICG	8.10	-10.00	-0.01	1000.00
RCL	15.30	-10.00	-0.02	100.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	196900.00
VTL	14.40	-10.00	0.00	100.00
MBG	17.50	-9.79	-0.04	118300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.9	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	86.9	4,839	18.0	4.7	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	16.4	2,571	6.4	1.1	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	162.0	29,035	5.6	4.4	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	15.7	0	14.7	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	115.6	8,321	13.9	4.5	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	22.5	3,585	6.3	1.4	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.4	2,692	4.6	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.2	2,660	8.7	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	117.2	6,216	18.9	7.1	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	87.8	5,274	16.6	4.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.2	9,530	3.2	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	58.1	4,688	12.4	2.9	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	22.7	3,491	6.5	1.1	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.4	2,246	7.7	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	33.0	3,678	9.0	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	56.8	4,512	12.6	2.0	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	118.5	5,527	21.4	7.6	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.2	2,887	7.3	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	36.7	5,614	6.5	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn